



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính
từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong giai đoạn 01/01/2014 đến 30/06/2014 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch
Ông Lê Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên
Ông Lê Phúc Nhuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Văn Bạ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc

2. **Trụ sở chính** đặt tại số 253/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2014** là

- Phân phối, truyền tải điện;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- Xây dựng đường dây điện; Xây dựng trạm bơm;

4. **Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 25.

5. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

6. **Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

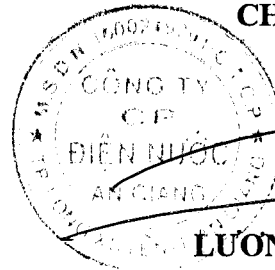
Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán của giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thành phố Long Xuyên, ngày 29 tháng 08 năm 2014

TM. Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN BẠ



Số: 43/BCKT-2014

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



Giám đốc

NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2013-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0176-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/6/2014	Tại 1/1/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		449.219.849.136	375.566.229.626
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.364.269.970	5.210.360.423
1. Tiền	111		17.364.269.970	5.210.360.423
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121.540.870.057	127.610.131.116
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	121.540.870.057	127.610.131.116
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		232.992.459.149	171.683.471.612
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	112.243.060.038	87.012.495.957
2. Trả trước cho người bán	132		189.697.700	25.410.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	120.559.701.411	84.645.565.655
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	64.443.120.118	64.027.214.543
1. Hàng tồn kho	141		64.443.120.118	64.027.214.543
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.879.129.842	7.035.051.932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	8.435.542.031	4.229.010.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.240.587.256	427.061.931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.667.954	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	3.201.332.601	2.378.979.763
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		862.415.236.892	841.269.786.275
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000	150.000.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	V.8	150.000.000	150.000.000
II. Tài sản cố định	220		852.881.778.252	831.125.633.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	738.897.337.197	671.967.042.861
- Nguyên giá	222		1.016.788.371.701	912.100.098.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277.891.034.504)	(240.133.055.473)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.870.802.725	19.870.802.725
- Nguyên giá	228		19.870.802.725	19.870.802.725
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	94.113.638.330	139.287.788.325
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	84.040.000	84.040.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		84.040.000	84.040.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.299.418.640	9.910.112.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	9.128.405.828	9.739.099.552
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	171.012.812	171.012.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.311.635.086.028	1.216.836.015.901

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/6/2014	Tại 1/1/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		460.003.206.207	373.627.271.388
I. Nợ ngắn hạn	310		180.622.781.506	106.213.922.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	3.960.652.432	2.452.695.058
2. Phải trả người bán	312	V.16	41.448.033.230	38.643.395.723
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	201.768.733	209.820.600
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.18	9.151.852.882	2.144.020.320
5. Phải trả người lao động	315		8.864.717.385	8.703.689.097
6. Chi phí phải trả	316	V.19	70.412.623	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	109.290.434.816	44.562.446.777
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.634.909.405	9.497.854.518
II. Nợ dài hạn	330		279.380.424.701	267.413.349.295
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	274.647.269.376	262.909.541.242
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		3.714.973.507	3.485.626.235
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.22	818.181.818	818.181.818
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		200.000.000	200.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	851.631.879.821	843.208.744.513
I. Vốn chủ sở hữu	410		851.631.879.821	843.208.744.513
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		486.600.000.000	486.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		112.847.669.844	108.584.046.189
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.465.877.638	3.465.877.638
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.633.204.822	20.156.257.273
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.909.744.453	1.909.744.453
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57.684.989.872	89.441.072.327
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		166.490.393.192	133.051.746.633
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.311.635.086.028	1.216.836.015.901

Thành phố Long Xuyên, ngày 19 tháng 08 năm 2014


Người lập biểu

Kế toán trưởng

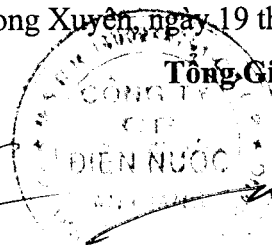

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI



TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

LƯƠNG VĂN BẠ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	514.002.606.552	488.805.921.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		514.002.606.552	488.805.921.394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	389.663.078.930	360.796.593.957
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.339.527.622	128.009.327.437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.114.253.958	6.278.634.426
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.825.779.720	8.401.882.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.825.779.720	8.401.882.250
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41.639.470.795	34.620.572.647
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.336.415.961	17.751.771.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.652.115.104	73.513.735.483
11. Thu nhập khác	31		265.673.209	1.001.797.330
12. Chi phí khác	32		40.021.748	33.472.083
13. Lợi nhuận khác	40		225.651.461	968.325.247
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.877.766.565	74.482.060.730
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.109.468.319	6.404.969.609
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		229.347.272	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.538.950.974	68.077.091.121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.018	1.399

Thành phố Long Xuyên, ngày 19 tháng 08 năm 2014

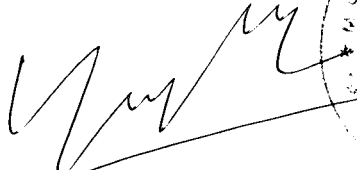
Người lập biểu

Kế toán trưởng

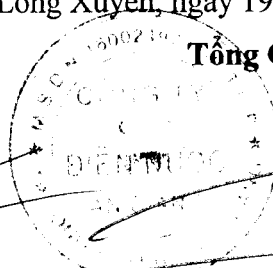
Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI



TRƯƠNG VĂN NGHIÊM



LƯƠNG VĂN BẠ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.877.766.565
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	37.972.246.512
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.094.253.958)
- Chi phí lãi vay	06	8.825.779.720
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	104.581.538.839
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(62.194.963.842)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(208.284.230)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(11.311.519.475)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.498.224.123)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.848.411.677)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	8.492.203.269
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	35.093.241.270
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.916.339.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.260.024.011
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(60.033.626.144)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.698.956.215)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.768.217.274
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.094.253.958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.870.111.127)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.263.623.655
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	39.505.968.517
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.260.283.009)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.745.312.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.763.996.663
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.153.909.547
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.210.360.423
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.364.269.970

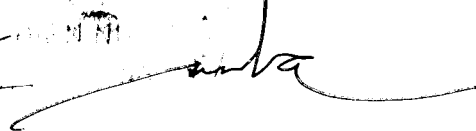
Thành phố Long Xuyên, ngày 19 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRẦN VIỆT HẢI

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

LƯƠNG VĂN BẠ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Điện nước An Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 28/3/2011, Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600249791 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại số 253/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các chi nhánh bao gồm:

- Xí nghiệp Cấp nước thành phố Long Xuyên;
- Xí nghiệp Điện nước Thành phố Châu Đốc;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân;
- Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn;
- Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu
- Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn;
- Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất, phân phối nước sạch; Khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; Mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng đường dây điện; Xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đầu tư, xây dựng khách sạn; Đầu tư, xây dựng các khu vui chơi, giải trí; Kinh doanh các khu vui chơi, giải trí; Kinh doanh nhà hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Niên độ tài chính** bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán** là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

2.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp nhập trước xuất trước

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 8 năm

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Quỹ tiền lương năm 2014 được trích lập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/04/2014.

12. Công cụ tài chính là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính của Công ty và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

Tài sản tài chính gồm:

- Tiền mặt,
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác,
- Quyền theo hợp đồng để: (i) Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc (ii) Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Công ty;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Nợ phải trả tài chính là các nghĩa vụ sau:

- Mang tính bắt buộc để: (i) Thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác; (ii) Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho đơn vị; hoặc
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản tài chính của Công ty gồm Tiền và tương đương tiền, Phải thu khách hàng, Phải thu khác và Đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm Các khoản vay và nợ, Phải trả người bán và Phải trả khác.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính: Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Để ước tính giá trị hợp lý của các công cụ tài chính, Công ty sử dụng các giả định và phương pháp sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng phần không có khả năng thu hồi);
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn tương tự.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14.1 Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13.1 Thuế suất và các khoản ưu đãi thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các dự án đầu tư sau:

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Tri Tôn Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 98/CN.UB ngày 30/8/2000	Thuế suất ưu đãi: 20%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010. Thuế suất: 22%;
Cải tạo, nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000062 ngày 01/08/2007	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010 Thuế suất: 22%;
Xây dựng đường dây trung – hạ thế và trạm biến áp tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000063 ngày 31/7/2007	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011. Thuế suất: 22% ;
Xây dựng hệ thống cấp nước, tuyến ống phân phối và giếng khoan bơm tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000064 ngày 1/8/2007	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
Các công trình cấp nước phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn trên địa bàn tỉnh An Giang Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000065 ngày 31/07/2007	
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Tri Tôn:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Châu Phú:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ trên địa bàn tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000066 ngày 31/07/2007:	
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
	Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Long Xuyên và thị xã Châu Đốc:</i> Xây dựng hệ thống cấp điện phục vụ sinh hoạt cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ trên địa bàn tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000067 ngày 31/07/2007:	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thị xã Châu Đốc:</i> Xây dựng hệ thống điện phục vụ sinh hoạt nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000069 ngày 07/08/2007	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Thuế suất: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<i>Đối với dự án đầu tư mới thực hiện địa bàn thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo, kể từ năm 2008.
Xây dựng tuyến ống phân phối cấp nước phục vụ sinh hoạt nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000070 ngày 07/08/2007:	
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mới thực hiện địa bàn thành phố Long Xuyên và thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn thành phố Long Xuyên:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo, kể từ năm 2008.

